

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Họ và tên

Chức vụ

Ông Cao Tùng Lâm

Chủ tịch

Ông Nguyễn Quang Vinh

Phó chủ tịch

(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 05 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)

Ông Trịnh Ngọc Khánh

Ủy viên

Ông Nguyễn Đức Thắng

Ủy viên

Ông Trần Huy Tường

Ủy viên

Ông Nguyễn Phú Dũng

Ủy viên

(Từ nhiệm theo Nghị quyết 02 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 31/03/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Trần Huy Tường

Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Việt Anh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Hồng Phúc

Phó Tổng Giám đốc

(Thôi giữ chức theo Nghị quyết 03 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)

Ông Nguyễn Minh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 01 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 27/03/2015)

Ông Đỗ Nguyên An

Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 04 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Số: 280/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 41 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

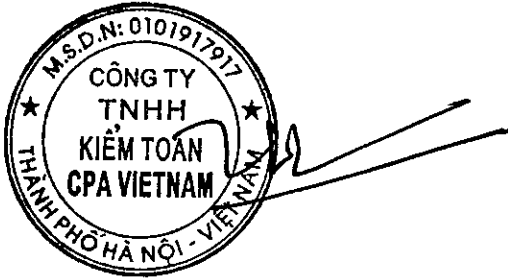
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A handwritten signature in black ink, appearing to be "Bui Thi Thuy".

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Bùi Thị Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		410.838.823.444	416.884.726.269
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		35.883.584.071	9.036.144.254
1. Tiền	111	5.1	35.783.584.071	9.036.144.254
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.473.623.031	141.766.575.008
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	105.599.960.923	105.462.992.865
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	8.191.635.132	8.082.725.135
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	38.373.663.302	29.912.493.334
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.691.636.326)	(1.691.636.326)
IV. Hàng tồn kho	140		215.150.574.925	260.953.687.352
1. Hàng tồn kho	141	5.6	215.150.574.925	260.953.687.352
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.331.041.417	5.128.319.655
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	9.111.131.322	89.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.8	219.910.095	5.128.121.662
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	-	108.138
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		158.883.268.772	126.134.081.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.377.678.466	15.678.388.779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	13.377.678.466	15.678.388.779
- Nguyên giá	222		31.036.151.371	32.743.379.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.658.472.905)	(17.064.990.997)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		30.590.000	30.590.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.590.000)	(30.590.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	114.703.498.000	88.985.802.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.12	113.978.856.000	11.525.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.13	-	76.736.160.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.14	724.642.000	724.642.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30.802.092.306	21.469.890.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	30.802.092.306	21.469.890.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		569.722.092.216	543.018.807.548

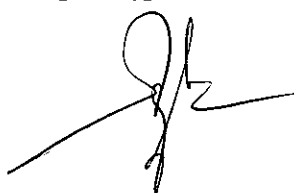
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2015

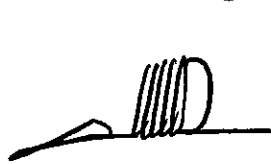
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		405.529.285.544	387.821.623.623
I. Nợ ngắn hạn	310		402.613.425.544	387.821.623.623
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	89.625.338.567	110.572.847.144
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	20.813.340.369	67.968.799.793
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	8.030.570.950	4.075.211.137
4. Phải trả người lao động	314		4.090.095.838	2.471.231.685
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	56.192.308	2.326.525.345
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	54.552.581.384	38.784.421.623
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	225.362.533.511	160.827.430.670
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		77.788.900	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.983.717	795.156.226
II. Nợ dài hạn	330		2.915.860.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		2.915.860.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		164.192.806.672	155.197.183.925
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	164.192.806.672	155.197.183.925
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.999.770.000	109.999.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.999.770.000	109.999.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	36.600.598.130
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.063.367.327	2.063.367.327
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.046.567.500)	(1.046.567.500)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.533.617.201	3.118.377.996
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.042.021.514	4.461.637.972
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		105.647.172	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.936.374.342	4.461.637.972
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		569.722.092.216	543.018.807.548

Người lập biểu



Trần Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

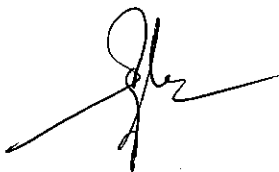



Trần Huy Trường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	882.295.039.244	387.503.813.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		55.955.673	7.747.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		882.239.083.571	387.496.066.426
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	837.570.178.862	361.401.164.801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		44.668.904.709	26.094.901.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	9.044.205.474	997.090.625
7. Chi phí tài chính	22	5.24	18.107.627.153	9.611.218.903
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.173.597.875	9.255.517.387
8. Chi phí bán hàng	24		-	45.373.603
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.054.689.646	12.584.682.532
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		15.550.793.384	4.850.717.212
11. Thu nhập khác	31	5.25	8.199.627.463	3.961.079.764
12. Chi phí khác	32	5.25	6.340.643.450	3.027.019.483
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.858.984.013	934.060.281
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		17.409.777.397	5.784.777.493
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	3.473.403.055	1.323.139.521
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		13.936.374.342	4.461.637.972

Người lập biểu



Trần Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016
 Tổng Giám đốc



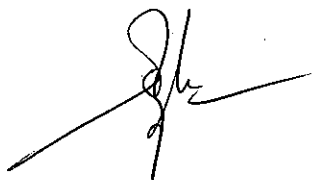
Trần Huy Tường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		953.866.482.552	494.312.200.515
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(880.226.477.897)	(474.251.322.148)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(51.103.765.999)	(46.499.527.971)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(18.670.216.464)	(14.660.864.766)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.538.796.547)	(5.580.281.109)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		96.368.367.428	15.847.781.551
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(110.895.069.456)	(9.224.532.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.199.476.383)	(40.056.546.465)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(22.813.790.180)	(314.870.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		703.392.122	716.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.300.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.200.000.000	8.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		134.209.772	478.735.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.076.188.286)	879.865.070
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		644.260.234.188	333.878.328.240
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(576.809.271.347)	(308.973.464.878)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.327.858.355)	(7.589.870.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		63.123.104.486	17.314.993.137
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		26.847.439.817	(21.861.688.258)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.036.144.254	30.897.832.512
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	35.883.584.071	9.036.144.254

Người lập biểu



Trần Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Trưởng Giám đốc



Trần Huy Tường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HUNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Vốn điều lệ của Công ty là 109.999.700.000 đồng.

Các Cổ đông lớn của Công ty tại 31/12/2015:

Các Cổ đông lớn	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ %
Ông Cao Tùng Lâm	1.681.129	16.811.290.000	15,28%
Ông Trần Huy Tường	757.750	7.577.500.000	6,89%
Ông Nguyễn Đức Thắng	649.470	6.494.700.000	5,90%
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000	5,45%
Ông Nguyễn Quang Vinh	550.000	5.500.000.000	5,00%
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000	4,56%
Các cổ đông khác	6.259.748	62.597.280.000	56,91%
Tổng cộng	10.999.997	109.999.770.000	100%

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 148 người (tại ngày 31/12/2014 là 142 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp là 0101311315 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014, hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;
- Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải và rác thải;
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp);
- Thiết kế Công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu: đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống, điều hòa không khí, điện lạnh;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo ngoại ngữ;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

Trong năm 2015: Công ty chủ yếu thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long
Địa chỉ: Tháp B, phòng 1912, CT2, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings
Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Me Kong Tower, số 235-241 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Miền Nam
Địa chỉ: Số 680 đường Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu.

Các Công ty con của Công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8
- Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.4), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

• Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (số năm)

Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Phần mềm kế toán của Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ, dụng cụ loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí quyền được mua căn hộ chung cư tại CT2 Trung Văn và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (gọi tắt là "liên doanh") được phân bổ vào khoản mục "hàng hóa bất động sản" (giá mua các sản phẩm của dự án từ liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà liên doanh đã bán cho Công ty.

HÀNG G



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính. Giả định đặt ra.

10/10
37
14
10
17N
10/10

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính : Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	1.349.093.810	222.923.235
Tiền gửi ngân hàng	34.434.490.261	8.813.221.019
Các khoản tương đương tiền	100.000.000	-
Tổng	35.883.584.071	9.036.144.254

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	105.599.960.923	105.462.992.865
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí IMICO	20.295.640.651	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I (PCC1)	18.611.703.596	-
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	17.347.714.275	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm sữa TH	10.442.575.569	23.340.201.765
Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Phục Hưng	-	3.371.680.734
Phải thu các đối tượng khác	38.902.326.832	78.751.110.366
Tổng	105.599.960.923	105.462.992.865

Trong đó phải thu các bên liên quan

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Phục Hưng số 3	-	148.475.807
Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Phục Hưng	-	3.371.680.734

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước người bán ngắn hạn	8.191.635.132	8.082.725.135
Công ty CP Xây lắp giao thông công chính	-	5.000.000.000
Công ty TNHH đầu tư xây dựng HNB	1.400.000.000	-
Công ty CP Đầu tư tân Quang Cường Bình Thuận	825.242.087	-
Công ty TNHH First Choice System	1.969.363.906	850.000.000
Các đối tượng khác	3.997.029.139	2.232.725.135
Trả trước người bán dài hạn	-	-
Tổng	8.191.635.132	8.082.725.135

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	38.373.663.302	-	29.912.493.334	-
Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Phục Hưng (*)	-	-	6.065.017.600	-
Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long (**)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (**)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phục Hưng số 7 (Cổ tức)	300.000.000	-	-	-
Phải thu các cá nhân khác	3.920.319.834	-	5.725.022.332	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.400.000	-	35.400.000	-
Tạm ứng	29.617.943.468	-	13.587.053.402	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	38.373.663.302	-	29.912.493.334	-

(*) Lợi nhuận được chia theo thông báo của Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng.

(**) Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings góp vốn bằng tiền vào Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long và Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long lần lượt theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDHTDT và số 103/HDHTDT về việc Đầu tư Xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ - huyện Đông Anh - TP Hà Nội.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.691.636.326	-	1.691.636.326	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty Xây lắp Hoá chất H36	-	-	-	580.816.870
Công ty Sông Đà 8.09 và 8.07	-	-	-	941.919.227
Công ty Cơ giới	-	-	-	50.394.011
Các khách hàng khác	-	-	-	118.506.219

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	573.953.269	-	168.184.200	-
Công cụ, dụng cụ	812.184.690	-	90.445.454	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	208.543.297.947	-	253.975.430.769	-
Hàng hoá	5.221.139.019	-	6.719.626.929	-
Tổng	215.150.574.925	-	260.953.687.352	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	9.111.131.322	89.855
Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.111.131.322	89.855
Dài hạn	30.802.092.306	21.469.890.500
Chi phí Công cụ dụng cụ	11.994.196.272	2.530.838.237
Chi phí thuê Văn phòng HH2 (*)	2.695.578.088	2.765.882.044
Chi phí thuê sàn thương mại CT2 (**)	1.886.420.455	1.947.272.728
Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh	14.225.897.491	14.225.897.491
Tổng	39.913.223.628	21.469.980.355

(*) Công ty thuê 523 m2 văn phòng tại tầng 3 - Toà nhà HH2 - Phường Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội trong vòng 50 năm.

(**) Công ty thuê mặt bằng sàn tầng 5 Tòa nhà The Light theo HĐ thuê mặt bằng số 02/HĐKT/CT2/2014.

5.8 Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã thực	31/12/2015
	VND	trong năm	nộp trong năm	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.128.121.662	91.126.408.659	96.034.620.226	219.910.095
Thuế thu nhập cá nhân	108.138	-	108.138	-
Tổng	5.128.229.800	91.126.408.659	96.034.728.364	219.910.095

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2015 là 2.074.292.684 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cầm cố, thế chấp các khoản vay tại 31/12/2015 lần lượt là 25.899.611.815 đồng và 9.458.603.460 đồng.

5.10 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	30.590.000	30.590.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>30.590.000</u>	<u>30.590.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	30.590.000	30.590.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>30.590.000</u>	<u>30.590.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>-</u>

NG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2 Đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty con tại ngày 31/12/2015 như sau:

T	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư tại 31/12/2015 VND	Ngành nghề kinh doanh
	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi...
	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 (*)	Hà Nội	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực),...
	Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Buôn bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng. Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (Xây dựng công trình công nghiệp), sản xuất bê tông...
4	Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Phục Hưng (**)	Hà Nội	100%	102.453.856.000	Xây dựng nhà các loại, công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, hoàn thiện các công trình XD và chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ sản giao dịch bất động sản; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)

(*) Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này. Do đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là Công ty con của Công ty (Trước năm 2007).

(**) Trong năm Công ty tiến hành mua lại 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nhà Viettel đang sở hữu tại Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic, với tổng giá trị mua theo hợp đồng chuyển nhượng vốn số 001/HĐCNVG-KDN-PH/2014 ký ngày 31/12/2014 là 86.000.000.000 đồng. Kể từ thời điểm 01/01/2015 Phục Hưng Holdings kiểm soát toàn bộ hoạt động của Viettel Hancic, đến thời điểm 11/05/2015 Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic được cấp thay đổi đăng ký lần thứ 7 chuyển đổi tên thành Công ty TNHH kinh doanh nhà Phục Hưng.

5.13 Đầu tư vào Công ty liên kết

Theo Nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04/01/2009, Công ty mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic), trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 05/11/2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền 30.736.160.000 đồng vào khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh", phần còn lại ghi nhận vào khoản mục "chi phí trả trước dài hạn".

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển Nhà Viettel - Hancic	-	-	-	30.736.160.000
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	-	-	2.100.000	42.000.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	-	-	400.000	4.000.000.000
Tổng	-	-	2.500.000	76.736.160.000

5.14 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty CP Kiến Trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Mua Cổ phần của Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam	1.332	24.642.000	1.332	24.642.000
Tổng	71.332	724.642.000	71.332	724.642.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	89.625.338.567	89.625.338.567	110.572.847.144	110.572.847.144
Công ty CP đầu tư XD Phục Hưng số 7	27.692.775.129	27.692.775.129	18.197.268.430	18.197.268.430
Công ty CP XD Phục Hưng số 8	4.226.137.610	4.226.137.610	19.875.965.872	19.875.965.872
Công ty CP Đầu tư XD Phục Hưng số 3	-	-	14.237.823.099	14.237.823.099
Công ty CP ĐT XD Thương mại Kycons	-	-	19.449.177.471	19.449.177.471
Công ty TNHH phát triển Thương mại Lâm Anh	5.507.301.140	5.507.301.140	-	-
Công ty TNHH SUNGSHIN VINA	7.678.806.600	7.678.806.600	-	-
Công ty TNHH Xây dựng nền móng Long Xuyên	7.600.153.496	7.600.153.496	-	-
Công ty CP Đầu tư XD Phát triển Việt Tiếp	11.920.026.010	11.920.026.010	-	-
Các đối tượng khác	25.000.138.582	25.000.138.582	38.812.612.272	38.812.612.272
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	89.625.338.567	89.625.338.567	110.572.847.144	110.572.847.144
Trong đó:				
Phải trả các bên liên quan	31.918.912.739	31.918.912.739	52.311.057.401	52.311.057.401
Công ty CP Đầu tư XD Phục Hưng số 7	27.692.775.129	27.692.775.129	18.197.268.430	18.197.268.430
Công ty CP XD Phục Hưng số 8	4.226.137.610	4.226.137.610	19.875.965.872	19.875.965.872
Công ty CP đầu tư XD Phục Hưng số 3	-	-	14.237.823.099	14.237.823.099

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Đầu tư XD và KT Vinaconex	5.505.920.278	5.505.920.278	-	-
LOTTE MART Vũng Tàu	-	-	11.660.000.000	11.660.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.389.096.520	2.389.096.520	2.389.096.520	2.389.096.520
Công ty CP TASCOS	7.778.800.000	7.778.800.000	-	-
Các đối tượng khác	5.139.523.571	5.139.523.571	53.919.703.273	53.919.703.273
Tổng	20.813.340.369	20.813.340.369	67.968.799.793	67.968.799.793

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.630.020.456	107.653.233.998	103.401.869.716	6.881.384.738
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.857.887.175	3.140.385.457	(282.498.282)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.341.827.582	2.341.827.582	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.323.139.521	3.473.403.055	3.538.796.547	1.257.746.029
Thuế thu nhập cá nhân	122.051.160	582.803.547	530.916.242	173.938.465
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	8.950.042.000	8.950.042.000	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	44.750.000	44.750.000	-
Tổng	4.075.211.137	125.907.947.357	121.952.587.544	8.030.570.950

5.18 Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	56.192.308	2.326.525.345
Trích trước chi phí xây lắp	56.192.308	2.326.525.345
Dài hạn	-	-
Tổng	56.192.308	2.326.525.345

5.19 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	54.552.581.384	38.784.421.623
Kinh phí công đoàn	697.420.480	804.041.254
Bảo hiểm xã hội	2.556.342	371.567.171
Phải trả Cổ tức	61.246.120	33.113.675
Phải trả, phải nộp khác	53.791.358.442	37.575.699.523
+ Phải trả các <i>Đội xây dựng công trình</i>	<i>10.844.283.987</i>	<i>29.278.191.665</i>
+ Công ty TNHH Kinh doanh nhà <i>Phục Hưng & phải trả khác</i>	<i>42.947.074.455</i>	<i>8.297.507.858</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	54.552.581.384	38.784.421.623

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

0 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	225.362.533.511	225.362.533.511	800.197.804.858	735.662.702.017	160.827.430.670	160.827.430.670
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	221.803.233.511	221.803.233.511	796.738.504.858	733.903.402.017	158.968.130.670	158.968.130.670
Các khoản vay khác của cá nhân (2)	3.559.300.000	3.559.300.000	3.459.300.000	1.759.300.000	1.859.300.000	1.859.300.000
Vay dài hạn	2.915.860.000	-	3.499.860.000	584.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (3)	2.915.860.000	-	3.499.860.000	584.000.000	-	-
Tổng	228.278.393.511	225.362.533.511	803.697.664.858	736.246.702.017	160.827.430.670	160.827.430.670

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/36032/HĐTD ngày 03/07/2015 giữa Công ty CP XD Phục Hưng Holdings và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô. Hạn mức dư nợ vay ngắn hạn tối đa 242 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh 436 tỷ đồng; thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất áp dụng theo từng HĐTD ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, cầm cố bằng TS của bên vay hoặc bên thứ 3 theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa bên vay/bên thứ 3 với Ngân hàng. Giá trị TSĐB, phương thức xử lý TSĐB thực hiện theo quy định tại hợp đồng đảm bảo tiền vay; Toàn bộ số dư TK tiền gửi SXKD bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

(2) Các khoản vay khác theo từng hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết với các pháp nhân và cá nhân khác, hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất từng hợp đồng dao động từ 8%/năm đến 12%/năm hoặc biến động theo dự thỏa thuận giữa 2 bên.

(3) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2015/HĐTD ngày 31/07/2015, Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô, số tiền cho vay 3,5 tỷ đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày dài ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, hình thức vay có thế chấp tài sản với tổng giá trị tài sản thế chấp là 225.848 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết chủ sở hữu của Công ty:**

Các Cổ đông lớn	Số Cổ phần và tỷ lệ sở hữu vốn			Vốn thực góp tại
	Số cổ phần	(VND)	(%)	31/12/2015 (VND)
Ông Cao Tùng Lâm	1.681.129	16.811.290.000	15,28%	16.811.290.000
Ông Trần Huy Tường	757.750	7.577.500.000	6,89%	7.577.500.000
Ông Nguyễn Đức Thắng	649.470	6.494.700.000	5,90%	6.494.700.000
Bà Tô Thanh Thùy	600.000	6.000.000.000	5,45%	6.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	550.000	5.500.000.000	5,00%	5.500.000.000
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000	4,56%	5.019.000.000
Các cổ đông khác	6.259.748	62.597.280.000	56,91%	62.597.280.000
Tổng	10.999.997	109.999.770.000	100%	109.999.770.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	109.999.770.000	109.999.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	109.999.770.000	109.999.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.327.858.355	7.589.870.225

c. Cổ phiếu

	Tại 31/12/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.977	10.999.977
Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	10.939.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	110.000	110.000
Cổ phiếu phổ thông	110.000	110.000
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.977	10.889.977
Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	10.829.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu từ năm 2003.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.22 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	869.426.939.720	379.876.595.363
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.487.075.047	3.075.499.568
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	5.111.135.386	4.551.718.768
Doanh thu khác	3.269.889.091	-
Tổng	882.295.039.244	387.503.813.699
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	55.955.673	7.747.273
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	882.239.083.571	387.496.066.426

5.23 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	831.849.343.531	355.000.034.484
Giá vốn hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.274.777.467	1.899.865.290
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	1.583.596.886	4.501.265.027
Giá vốn khác	1.862.460.978	-
Tổng	837.570.178.862	361.401.164.801

5.24 Doanh thu/ Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	9.044.205.474	997.090.625
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.317.763.874	720.907.425
Thu nhập chuyển nhượng cổ phần	6.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.726.441.600	276.183.200
Chi phí hoạt động tài chính	18.107.627.153	9.611.218.903
Chi phí lãi vay	17.173.597.875	9.255.517.387
Chi phí tài chính khác	934.029.278	355.701.516
Tổng	(9.063.421.679)	(8.614.128.278)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.25 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác		
Phí sử dụng thương hiệu của các Công ty con	486.028.368	488.526.830
Thu thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	444.628.022	610.000.000
Chi phí chi hộ Công ty con	-	1.129.745.300
Cho thuê thuê thiết bị, thuê kho	1.691.779.825	79.547.200
Thu nhập khác	5.577.191.248	1.653.260.434
Tổng	8.199.627.463	3.961.079.764
Chi phí khác		
Cho thuê thuê thiết bị, thuê kho	1.153.735.681	587.048
Chi phí chi hộ các Công ty con	-	1.129.745.300
Chi phí khác	5.186.907.769	1.896.687.135
Tổng	6.340.643.450	3.027.019.483
Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	1.858.984.013	934.060.281

5.26 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.409.777.397	5.784.777.493
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	104.859.906	505.676.257
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	1.726.441.600	276.183.200
Tổng thu nhập chịu thuế	15.788.195.703	6.014.270.550
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản	3.411.354.309	(142.745.713)
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	750.497.948	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thông thường	12.376.841.394	6.157.016.263
Chuyển lỗ	-	(142.745.713)
Thu nhập chịu thuế hoạt động KD thông thường	12.376.841.394	6.014.270.550
Thuế suất	22%	22%
Thuế TNDN từ hoạt động KD thông thường	2.722.905.107	1.323.139.521
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	3.473.403.055	1.323.139.521

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	302.990.134.285	3.732.206.875
Chi phí nhân công	60.894.031.198	32.263.825.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.969.472.347	2.084.422.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.550.807.196	460.058.820.735
Chi phí khác bằng tiền	21.837.118.591	8.770.030.963
Tổng	412.241.563.617	506.909.305.799

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>			
<u>Doanh thu</u>		22.630.811.535	648.355.134
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3		1.385.967.186	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7		842.011.889	648.355.134
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8		882.920.716	-
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng		19.519.911.744	-
<u>Thu nhập khác</u>		8.014.302.642	835.112.195
Công ty CP Đầu tư xây dựng Phục Hưng số 3		2.050.860.622	167.422.442
Công ty CP Đầu tư xây dựng Phục Hưng số 7		2.165.281.253	358.061.302
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8		3.798.160.767	-
Công ty TNHH kinh doanh Nhà Phục Hưng		-	309.628.451
<u>Giao dịch mua hàng</u>			
<u>Chi phí thầu phụ</u>		275.171.465.239	74.762.713.477
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3		47.895.900.785	17.609.663.600
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7		142.408.593.672	49.364.210.829
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8		84.866.970.782	7.788.839.048
<u>Giao dịch khác</u>			
<u>Cổ tức</u>		4.034.817.745	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3		275.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7		500.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng		3.259.817.745	-
Số dư với các bên liên quan		31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<u>Các khoản phải thu</u>		-	3.520.156.541
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng		-	3.371.680.734
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8		-	148.475.807
<u>Các khoản phải trả</u>		32.932.798.952	52.401.057.401
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3		1.013.886.213	14.327.823.099
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7		27.692.775.129	18.197.268.430
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8		-	19.875.965.872
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng		4.226.137.610	-
<u>Giao dịch với các nhân sự chủ chốt</u>			
		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Bên liên quan	Tính chất giao dịch		
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao	407.376.220	200.500.000
Hội đồng Quản trị	Tiền lương	801.814.514	-
Ban Tổng Giám đốc	Tổng thu nhập	1.757.653.714	1.116.046.059

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 Báo cáo bộ phận

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng và Công nghiệp, các loại hình khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, do đó báo cáo bộ phận không tách nhỏ thành các hoạt động, số liệu chi tiết cụ thể như sau:

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2015:

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN		
Tài sản cố định	13.377.678.466	13.377.678.466
Các khoản phải thu	150.473.623.031	150.473.623.031
Hàng tồn kho	215.150.574.925	215.150.574.925
Tài sản không phân bổ	-	190.720.215.794
Tổng tài sản	379.001.876.422	569.722.092.216
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản phải trả	177.250.892.033	177.250.892.033
Phải trả tiền vay	228.278.393.511	228.278.393.511
Tổng nợ phải trả	405.529.285.544	405.529.285.544

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính 2015:

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
DOANH THU		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	882.239.083.571	882.239.083.571
Tổng doanh thu	882.239.083.571	882.239.083.571
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	44.668.904.709	44.668.904.709
Chi phí tài chính phân bổ	18.107.627.153	18.107.627.153
Kết quả kinh doanh bộ phận	15.550.793.384	15.550.793.384
<i>Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD</i>	<i>1.858.984.013</i>	<i>1.858.984.013</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế		17.409.777.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.473.403.055
Lợi nhuận trong năm		13.936.374.342

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN		
Tài sản cố định	15.678.388.779	15.678.388.779
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Các khoản phải thu	128.144.121.606	128.144.121.606
Hàng tồn kho	260.953.687.352	260.953.687.352
Tài sản không phân bổ	-	138.242.609.811
Tổng tài sản	404.776.197.737	543.018.807.548
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản phải trả	226.994.192.953	226.994.192.953
Phải trả tiền vay	160.827.430.670	160.827.430.670
Tổng nợ phải trả	387.821.623.623	387.821.623.623

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính 2014:

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
DOANH THU		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	387.496.066.426	387.496.066.426
Tổng doanh thu	387.496.066.426	387.496.066.426
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	26.094.901.625	26.094.901.625
Chi phí tài chính phân bổ	9.611.218.903	9.611.218.903
Kết quả kinh doanh bộ phận	4.850.717.212	4.850.717.212
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	934.060.281	934.060.281
Lợi nhuận kế toán trước thuế		5.784.777.493
Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả CP thuế TNDN hoãn lại)		1.323.139.521
Lợi nhuận trong năm		4.461.637.972

010
 CÔNG
 CỔ
 XÂY
 DỰ
 HO
 GI

010
 CÔNG
 CỔ
 XÂY
 DỰ
 HO
 GI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.883.584.071	9.036.144.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.281.987.899	133.683.849.873
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng	178.165.571.970	142.719.994.127
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	228.278.393.511	160.827.430.670
Phải trả người bán và phải trả khác	144.177.919.951	149.357.268.767
Chi phí phải trả	56.192.308	2.326.525.345
Tổng	372.512.505.770	312.511.224.782

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về cả giá hàng hóa.

Rủi ro về giá*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp chủ yếu là trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực quản lý xây dựng và sản xuất phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các vốn của Chủ sở hữu nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Các khoản vay	225.362.533.511	2.915.860.000	228.278.393.511
Phải trả người bán và phải trả khác	144.177.919.951	-	144.177.919.951
Chi phí phải trả	56.192.308	-	56.192.308
01/01/2015			
Các khoản vay	160.827.430.670	-	160.827.430.670
Phải trả người bán và phải trả khác	149.357.268.767	-	149.357.268.767
Chi phí phải trả	2.326.525.345	-	2.326.525.345

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.883.584.071	-	35.883.584.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.281.987.899	-	142.281.987.899
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.036.144.254	-	9.036.144.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.683.849.873	-	133.683.849.873

31/12/2015
CÔNG TY
PHỤC HƯNG
HOLDINGS
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.4 Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số khoản mục trên Bảng Cân đối kế toán đầu kỳ cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục trên Bảng CĐKT	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC	Chênh lệch VND
Tài sản			
Phải thu ngắn hạn khác	16.290.039.932	29.912.493.334	13.622.453.402
Tài sản ngắn hạn khác	13.622.453.402	-	(13.622.453.402)
Đầu tư dài hạn khác	724.642.000	-	(724.642.000)
Tài sản dài hạn khác	-	724.642.000	724.642.000
Nguồn vốn			
Vay và nợ ngắn hạn	160.827.430.670	-	(160.827.430.670)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	160.827.430.670	160.827.430.670
Quỹ đầu tư phát triển	1.921.154.201	3.118.377.996	1.197.223.795
Quỹ dự phòng tài chính	1.197.223.795	-	(1.197.223.795)

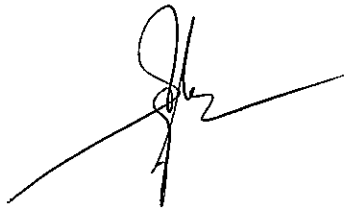
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - CPA VIETNAM (nay là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM) Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường